TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **132**/2026/HS-ST
Ngày: 17 - 3 - 2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thành Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh là thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai và thành phần tại Phân trại tạm giam T– Trại giam số 01 Công an Đđối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 109/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Minh M; Tên gọi khác: Không.

Giới tính: Nam;Sinh ngày 22/7/1970; Nơi sinh: tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú:

Nơi đăng ký thường trú: Tổ B, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Nai

Nơi ở hiện tại: Tổ B, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Nai

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Không.Nghề nghiệp: Lao động tự do;Trình độ học vấn: Lớp 04/12.

Họ tên cha: Trần Văn năm 1946 (Còn sống).

Họ tên mẹ: Trần Thị năm 1946 (Đã chết).

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Vợ/con : Không

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/10/2025, chuyển tạm giam ngày 06/11/2025 đến

nay tại Phân trại tạm giam Tạm giam số 01 Công an tỉnh Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* **Bà Dương Thị H**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cũ là: Tổ B, khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Bị hại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh M1 hàng xóm của bà Dương Thị H1 năm 1949, nơi cư trú: Tổ B, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng thường xuyên chở bà khám bệnh nên bà H1 sống một mình và có tiền để dành, nảy sinh ý định trộm cắp tiền của bà H2 bà vắng để tiêu xài cá nhân và trả nợ. Khoảng 06 giờ ngày 31/10/2025, khi đi uống cà phê về thì thấy nhà bà cửa, không có ai ở trong nhà. Lúc này, vòng ra phía sau nhà bà đến cửa sau, tay đẩy cửa (dạng cửa tôn) làm bung móc khoá bên trong để đi vào nhà. Sau khi vào nhà, hiện khu vực dưới gầm giường tại vị trí đầu giường bà có 01 thùng giấy (dạng thùng cattong) bên trong có chứa tiền bà dành với các mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng. trộm cắp toàn bộ số tiền trên của bà đó bỏ tiền vào chiếc mũ màu xám, cầm trên tay rồi tẩu thoát về nhà của M khu phố T, phường T, tỉnh Đồng đếm số tiền trộm được 352.500.000 đồng (gồm gồm 703 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 5 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng) rồi cất giấu số tiền trên vào ngăn tủ quần áo của M

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, bà phát hiện việc bị trộm cắp tài sản và đến Công an phường do lo sợ hành vi phạm tội của mình bị phát hiện nên đến Công an phường T đầu thú và giao nộp số tiền 352.500.000 đồng (ba trăm năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) trộm cắp của bà cơ quan điều tra, Trần Minh N hành vi phạm tội như trên.

* Vật chứng vụ án:

- 01 bịch ni lông màu xanh bên trong chứa 352.500.000 đồng (ba trăm năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) bao gồm 703 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) và 5 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) là số tiền Trần M2 trộm cắp của bà Dương Thị Q Cảnh sát điều tra C và trả lại cho bà H3

- 01 () chiếc mũ vải, màu đen, có in chữ MLB, là chiếc mũ Trần M2 để đựng tiền trộm cắp được của bà Dương Thị H

Về dân sự: Bà Dương Thị N1 lại số tiền 352.500.000 đồng (ba trăm năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) bị trộm cắp và không yêu cầu Trần Minh T.

Tại Cáo trạng số: 01B/CT-VKSBH-HS ngày 09/02/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trần Minh M về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 -Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

Áp dụng điểm a khoản 3, Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Minh M từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù. Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ1, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại bà Dương Thị H vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai của bị hại. Xét thấy, việc vắng mặt bà H không ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về hành vi của bị cáo: Vào khoảng 06 giờ ngày 31/10/2025, tại địa chỉ nhà không số tổ B, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ Trần M2 có hành vi trộm cắp 352.500.000 đồng (ba trăm năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) của bà Dương Thị Đ, đến khoảng 11 giờ cùng ngày, do lo sợ hành vi phạm tội của mình bị phát hiện nên đến Công an phường thú và bị xử lý theo quy định.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại có tại hồ sơ cũng như các tài liệu, chứng cứ thu thập trong vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong đời sống của người dân tại các khu dân cư. Bị cáo là người là người đã trưởng thành, biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, bị cáo đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để đảm bảo sự nghiêm minh của phát luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung. Đồng thời Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính nhân đạo và sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[6] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc mũ vải, màu đen, có in chữ MLB.

[7] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự: Bà Dương Thị N1 lại số tiền 352.500.000 đồng (ba trăm năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) bị trộm cắp và không yêu cầu Trần Minh T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Đối với nhận định của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Minh M phạm tội " Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Trần Minh M 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2025.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2025 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc mũ vải, màu đen, có in chữ MLB.

Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Phòng hành án dân sự Khu vực 1, tỉnh Đồng Nai theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/02/2026.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Minh M phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV1-Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; Bị hại
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thành Thị Thu Trang